BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1612/QĐ-CĐGTVTTW V	*Đà Nẵng, ngày 11 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chuẩn đầu ra đối với các ngành nghề đào tạo tại Trường Cao đẳng GTVT Trung ương V

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực báo chí, thông tin, kinh doanh và quản lý;

Căn cứ Thông tư số 44/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật kiến trúc, công trình xây dựng, cơ khí, điện, điện tử, truyền thông và hóa học;

Căn cứ Thông tư số 46/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực vật liệu, luyện kim, sản xuất và công nghệ kỹ thuật khác;

Căn cứ Thông tư số 47/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật cơ khí;

Căn cứ Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật mỏ và kỹ thuật khác;

Căn cứ Thông tư số 51/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến và xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 56/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực dịch vụ vận tải, môi trường và an ninh;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kinh doanh, quản lý và pháp luật;

Căn cứ Căn cứ quyết định số 1671/2001/QĐ-BGTVT ngày 29/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải II nay là Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng cấp Trường về khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp họp ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra cho 43 ngành nghề tại Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V *(Có phụ lục kèm theo)*. Trong đó:

25 chuẩn đầu ra cho 25 nghề trình độ cao đẳng

18 chuẩn đầu ra cho 18 nghề trình độ trung cấp

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, các nhà giáo và học sinh sinh viên của Trường căn cứ Quyết định thi hành./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

ThS. Đoàn Việt Hùng

Nơi nhận:
- Tổng cục GDNN (để b/c);
- Sở LĐTBXH ĐN (để b/c);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các Phó hiệu trưởng;
- Như Điều 3;
- Đăng tại Web Trường;
- Lưu ĐT, VT.

DANH SÁCH CHUẨN ĐẦU RA CÁC NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG GTVT TRUNG ƯƠNG V

(Kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-CĐGTVTTW V ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

Trình độ Cao đẳng		Trình độ Trung cấp		Tên nghề tiếng Anh
Mã nghề	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Tên nghề đào tạo	
6580205	Xây dựng cầu đường bộ	5580205	Xây dựng cầu đường bộ	Road bridge construction
6510606	Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ	5510606	Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ	Road bridge quality test and control
6510110	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt	5510110	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt	Railway works construction and maintenance
6580201	Kỹ thuật xây dựng	5580201	Kỹ thuật xây dựng	Constructional engineering
6510216	Công nghệ ô tô	5510216	Công nghệ ô tô	Automobile production engineering
6340302	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Corporate accounting
6380201	Dịch vụ pháp lý	5380201	Dịch vụ pháp lý	Legal services
6510102	Công nghệ kỹ thuật giao thông			Transport works
6510109	Xây dựng công trình thủy			Hydraulic works construction
6510902	Công nghệ kỹ thuật trắc địa			Geophysical engineering
6510105	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng			Construction materials engineering
6510104	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng			Construction works engineering

Trình độ Cao đẳng		Trình độ Trung cấp		Tên nghề tiếng Anh
Mã nghề	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Tên nghề đào tạo	
6580301	Quản lý xây dựng			Construction management
6510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí			Mechanical engineering
6520104	Chế tạo thiết bị cơ khí			Mechanical equipment fabrication
6520227	Điện công nghiệp			Industrial electrics
6520205	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí			Air-condition and climate technology
6340101	Kinh doanh thương mại			Commercial and service business
6340113	Logistics			Logistics
6220206	Tiếng Anh			English
6220217	Tiếng Anh du lịch			Travel English
6480202	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)			Information Technology (software application)
6210402	Thiết kế đồ họa			Graphic design
6340407	Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ			Road administration
6340415	Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas			Fuel and gas administration
6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			Tourism and Hospitality management
		5520159	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Automobile maintenance and repair
		5520121	Cắt gọt kim loại	Metal cutting

Trình độ Cao đẳng		Trình độ Trung cấp		Tên nghề tiếng Anh
Mã nghề	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Tên nghề đào tạo	
		5520123	Hàn	Welding
		5520223	Điện công nghiệp và dân dụng	Industrial and household electrics
		5340309	Kế toán xây dựng	Construction accounting
		5480211	Lập trình/Phân tích hệ thống	Programming/System analysis
		5340425	Quản lý kho hàng	Storage management
		5340424	Quản lý và bán hàng siêu thị	Supermarket management
		5510910	Trắc địa công trình	Geodetic construction site
		5520183	Vận hành máy thi công nền	Surface constructional machine operatio
		5340110	Kinh doanh vận tải đường bộ	Road transport business

(Danh sách gồm 43 Chuẩn đầu ra cho 25 nghề trình độ cao đẳng, 18 nghề trình độ trung cấp)